TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 17-7-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017, về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 14/2017/HNGĐ-ST, ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 08/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Bé T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P - Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn B, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/09/2016 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Bé T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông B sau khi được mai mối đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M ngày 11/9/2012 (Giấy chứng nhận kết hôn số 183, quyển số II/2012). Trong cuộc sống vợ chồng sau khi cưới có nhiều mâu thuẫn, tháng 08 năm 2012 bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, đến tháng 11/2015 ông B đến nhà xin lỗi và rước bà về sống chung lại, tháng 8/2016 bà lại về nhà cha mẹ ruột sinh sống và sau đó khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất về việc thu chi tiền sinh hoạt trong gia đình và cách nuôi dạy con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* 07 chỉ vàng 24 Kara; 01 xe AirBlade biển số 67B1 818.43; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 01 bộ bàn ghế Inox có giá trị 3.700.000đồng. Nợ Quỹ tín dụng B số tiền vay 20.000.000đồng do ông B và bà T đứng tên vay để chăn nuôi.

Đối với tài sản chung và nợ chung nêu trên, bà T và ông B đã tự thỏa thuận với nhau. Cụ thể ông B nhận xe AirBlade và trả lại cho bà Th 30.000.000đồng (Thể hiện qua Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng được Phòng công chứng số 01 chứng nhận ngày 13 tháng 12 năm 2016), ông B có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng B số tiền vốn vay 20.000.000đồng và lãi phát sinh (Theo phụ lục hợp đồng tất toán ngày 16/01/2017). Đối với 07 chỉ vàng 24 Kara; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 01 bộ bàn ghế Inox có giá trị 3.700.000đồng bà T không yêu cầu giải quyết. Bà T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung.

- *Về quan hệ con chung*: Bà T và ông B có 01 con chung tên Hồ Thanh T, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2012 (Giấy khai sinh số 171/11, quyển số 02/2012, đăng ký tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang). Khi vợ chồng sống chung thì cháu T sống cùng ông bà, khi bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại huyện C thì bà dẫn cháu T theo. Đến ngày 01/9/2016 ông B đến nhà ngoại cháu T mang cháu T về nhà ông nuôi dưỡng đến nay. Từ nhỏ cháu T đã sinh sống với bà, bà rất yêu thương cháu T, bà yêu cầu được nuôi cháu, ông B có trách nhiệm giao cháu lại cho bà nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Hồ Văn B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân và tài sản chung, nợ chung*: Ông thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Về tài sản chung, nợ chung ông và bà T đã tự thỏa thuận, việc giao nhận tiền và xe đã thực hiện xong, ông cũng đã tất toán số tiền vốn lãi vay của Quỹ tín dụng B nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về quan hệ con chung*: Bà T và ông B có 01 con chung tên Hồ Thanh T, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2012 (Giấy khai sinh số 171/11, quyển số 02/2012, đăng ký tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang). Cháu T hiện nay đang sinh sống với ông và có cuộc sống, sinh hoạt, học hành ổn định, ông nuôi dưỡng và chăm sóc cháu rất tốt. Ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu, ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Nguyên đơn bà Trần Bé T trình bày: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn với ông B; Về tài sản chung và nợ chung rút lại yêu cầu khởi kiện; Về con chung yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn ông Hồ Văn B trình bày: Thống nhất yêu cầu ly hôn của bà T; Về tài sản chung và nợ chung đã tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về con chung yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2017/HNGĐ-ST, ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L đã tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của bà Trần Bé T. Bà Trần Bé T được ly hôn với ông Hồ Văn B.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Đình chỉ yêu cầu tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn của bà Trần Bé T.

Về quan hệ con chung:

Có 01 (một) con chung tên Hồ Thanh T, sinh ngày 11/7/2012. Sau khi ly hôn ông B được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Ông B không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B phải tạo điều kiện cho bà T trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn bà Trần Bé T làm đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về việc giao con chung cho ông B nuôi dưỡng, bà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà về việc nuôi con chung sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu:

Bà T và ông B có một con chung tên Hồ Thanh T, sinh ngày 11/7/2012, cấp sơ thẩm quyết định giao cháu T cho ông B được quyền nuôi dưỡng, ông B phải tạo điều kiện cho bà T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm bà T đến thăm con thì bị ông B ngăn

cản, hâm dọa và đánh bà T, sự việc được Công an xã M, thành phố L xác nhận vào sáng ngày 17/7/2017. Xét về điều kiện nuôi con thì bà T cũng có điều kiện như: Có việc làm, thu nhập ổn định, bà T có mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng N trị giá 50.000.000đồng để lo cho cháu T, cháu T lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa Bản án sơ thẩm, giao cháu T cho bà T được quyền nuôi dưỡng.

Bị đơn ông Hồ Văn B tranh luận:

Ông thừa nhận ngày 18/6/2017 khi bà T đến thăm con, do nóng giận ông có đánh bà T còn sự việc Công an xã M lập biên bản thì không có vì ông không ký tên vào biên bản của Công an. Hiện nay, ông có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để nuôi con tốt, nếu để cho ông được quyền nuôi con thì ông sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho bà T được quyền thăm con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Đối với phần nuôi con chung: Bà T và ông B có một con chung tên Hồ Thanh T, sinh ngày 11/7/2012, cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu T đã hơn 3 tuổi, không thuộc trường hợp phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi, việc giao con cho ông B hay bà T nuôi dưỡng phải xem xét đến quyền lợi của con. Xét về điều kiện kinh tế thì cả ông B và bà T đều như nhau, hiện nay ông B có nghề nghiệp là phụ hồ và chăn nuôi heo, có thời gian để chăm sóc cháu T; còn bà T làm công nhân thời gian từ 07 giờ sáng đến tối nên không đảm bảo thời gian để chăm sóc cháu T; cháu T hiện nay đang sống với ông B, nên để ổn định tâm lý, môi trường sống cấp sơ thẩm giao cháu T cho ông B được quyền nuôi dưỡng là phù hợp, do đó bà T kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cấp sơ thẩm cho bà Trần Bé T được ly hôn với ông Hồ Văn B, cả hai không kháng cáo về quan hệ hôn nhân nên không xem xét.

[2] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu tranh chấp về tài sản, các đương sự không có kháng cáo nên cấp phúc thẩm cũng không đề cập.

[3] Về nuôi con chung:

Xét kháng cáo của bà Trần Bé T đối với quan hệ nuôi con chung.

Ông Hồ Văn B và bà Trần Bé T có một con chung tên Hồ Thanh T, sinh ngày 11/7/2012, hiện do ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng, cả bà T và ông B đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, thể hiện tình thương yêu và trách nhiệm của cha mẹ đối với con. Xét về điều kiện kinh tế thì ông B hiện nay có nghề nghiệp chăn nuôi heo, có thu nhập, có tài sản và chỗ ở ổn định; còn bà T cũng có nghề nghiệp, thu nhập ổn định được chứng minh bằng phiếu lương của Công ty OR An Giang, LTD và có sổ tiết kiệm tại Ngân hàng N Việt Nam trị giá 50.000.000đồng; như vậy xét về điều kiện nuôi con thì cả hai đều có đủ khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng cháu T khôn lớn.

Tuy nhiên, ông B cũng thừa nhận khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu T sống với bà T, trong thời gian bà T nuôi con thì cháu T được chăm sóc tốt, bà T cũng không vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng; đến ngày 01/9/2016 ông B cùng những người trong gia đình đến nhà cha mẹ bà T để bắt đem cháu T về nuôi, trong khi chưa thông qua ý kiến bà T làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu T. Cấp sơ thẩm giao con chung cho ông B được quyền nuôi dưỡng, sau khi xét xử sơ thẩm đáng lẽ ông B phải tạo điều kiện cho bà T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung để gắn kết tình mẹ con, nhưng vào ngày 18/6/2017 khi bà T đến thăm con thì bị ông B hâm dọa, đánh bà T, sự việc được Công an xã M xác nhận vào ngày 17/7/2017, việc ông B có hành vi như trên làm ảnh hưởng quyền thăm nom con của bà T đã được quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa cháu T là con gái hiện nay còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, cấp sơ thẩm quyết định giao cháu T cho ông B nuôi dưỡng là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện đến quyền lợi về mọi mặt của cháu T, cũng như bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ khi ly hôn.

Từ những nhận định trên, xét thấy việc bà T kháng cáo yêu cầu được quyền nuôi con chung là có cơ sở được chấp nhận, do đó cần sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L đối với phần nuôi con chung theo hướng giao cháu T cho bà T được quyền nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu T đang sống với ông B, nên buộc ông B phải có nghĩa vụ giao cháu T cho bà T được quyền nuôi dưỡng; bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông B được quyền tới lui thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con chung không cố định, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có một trong các căn cứ sau: Khi bà T, ông B có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà T được nhận lại 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010734 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Bé T.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2017/HNGĐ-ST, ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L về phần nuôi con chung.

Tuyên xử:

Về nuôi con chung: Bà Trần Bé T được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Hồ Thanh T, sinh ngày 11/7/2012.

Buộc ông Hồ Văn B phải có nghĩa vụ giao cháu Hồ Thanh T cho bà Trần Bé T được quyền nuôi dưỡng; bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông B được quyền tới lui thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con chung không cố định, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có một trong các căn cứ sau: Khi bà T, ông B có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí phúc thẩm: Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010734 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- TAND thành phố L;
- THA thành phố L;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA ;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Phượng